

Phụ lục IV

MẪU PHIẾU THÔNG KÊ, PHÂN TÍCH MẪU SINH HỌC NGHỀ CÁ

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-BNNPTNT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Mẫu số 01

Phiếu số:.....

MẪU PHIẾU PHÒNG VẤN KHAI THÁC THỦY SẢN

..... Ngàythángnăm 20.....

Địa điểm lên cá:

Nghề khai thác chính ⁽¹⁾:

1. Thông tin về tàu cá	
Tên chủ tàu/thuyền trưởng ⁽²⁾ :	Số đăng ký tàu ⁽³⁾ :
Số thuyền viên trên tàu (người) ⁽⁴⁾	Công suất máy (kW)/..... Chiều dài tàu (m) ⁽⁵⁾ :
2. Thông tin chuyến biển	
Nơi xuất bến ⁽⁶⁾ :	Ngày xuất bến ⁽⁷⁾ :...../...../20.....
Nơi cập bến ⁽⁸⁾ :	Ngày cập bến ⁽⁹⁾ :...../...../20.....
Ngư trường ⁽¹⁰⁾ :.....	Tổng số mẻ lưới ⁽¹³⁾ :.....
Số ngày đánh cá trong chuyến (ngày) ⁽¹¹⁾ : ...	Sản lượng chuyển tải (kg) ⁽¹⁴⁾ :.....
Số ngày đánh cá tháng trước (ngày) ⁽¹²⁾ :	Tổng sản lượng (kg) ⁽¹⁵⁾ :.....
3. Chi phí chuyến biển (triệu đồng)	
Nhiên liệu (dầu, nhớt (VND) ⁽¹⁶⁾ :	Đá/Muối ⁽¹⁸⁾ :
Lương thực, thực phẩm (VND) ⁽¹⁷⁾ :	Lương thuyền viên/tháng ⁽¹⁹⁾ :
Chi phí khác ⁽²⁰⁾ :	

4. Thông tin ngư cụ ⁽²¹⁾					
Ngư cụ		Chiều dài (m)	Chiều cao (m)	Mắt lưới (2a) (mm)	Công suất phát sáng (W)
Lưới rê	Rê nổi				
	Rê đáy				
Lưới kéo	Đơn	Giềng chì.....	Giềng phao.....	Ổ đục lưới.....	
	Đôi	Giềng chì.....	Giềng phao.....		
Câu	Câu vàng	Cả vàng câu...		Số lưới câu ...	
	Câu tay			Số cần câu.....	
Lưới vây	Vây ngày			Ổ từng lưới...	
	Ánh sáng			Ổ từng lưới...	
Lưới chụp		Chiều dài lưới...	Chu vi miệng lưới...	Ổ đục lưới.....	
Vó/mành		Chiều dài lưới...	Chu vi miệng lưới...		

SẢN LƯỢNG THEO LOÀI/NHÓM THƯƠNG PHẨM

TT	LOÀI/NHÓM THƯƠNG PHẨM⁽²²⁾	Sản lượng (kg)	Giá bán (VNĐ/kg)
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
14			
15			
16			
17			
18			
19			
20			

CHỦ TÀU/THUYỀN TRƯỞNG

NGƯỜI PHÒNG VẤN

Người phân tích:

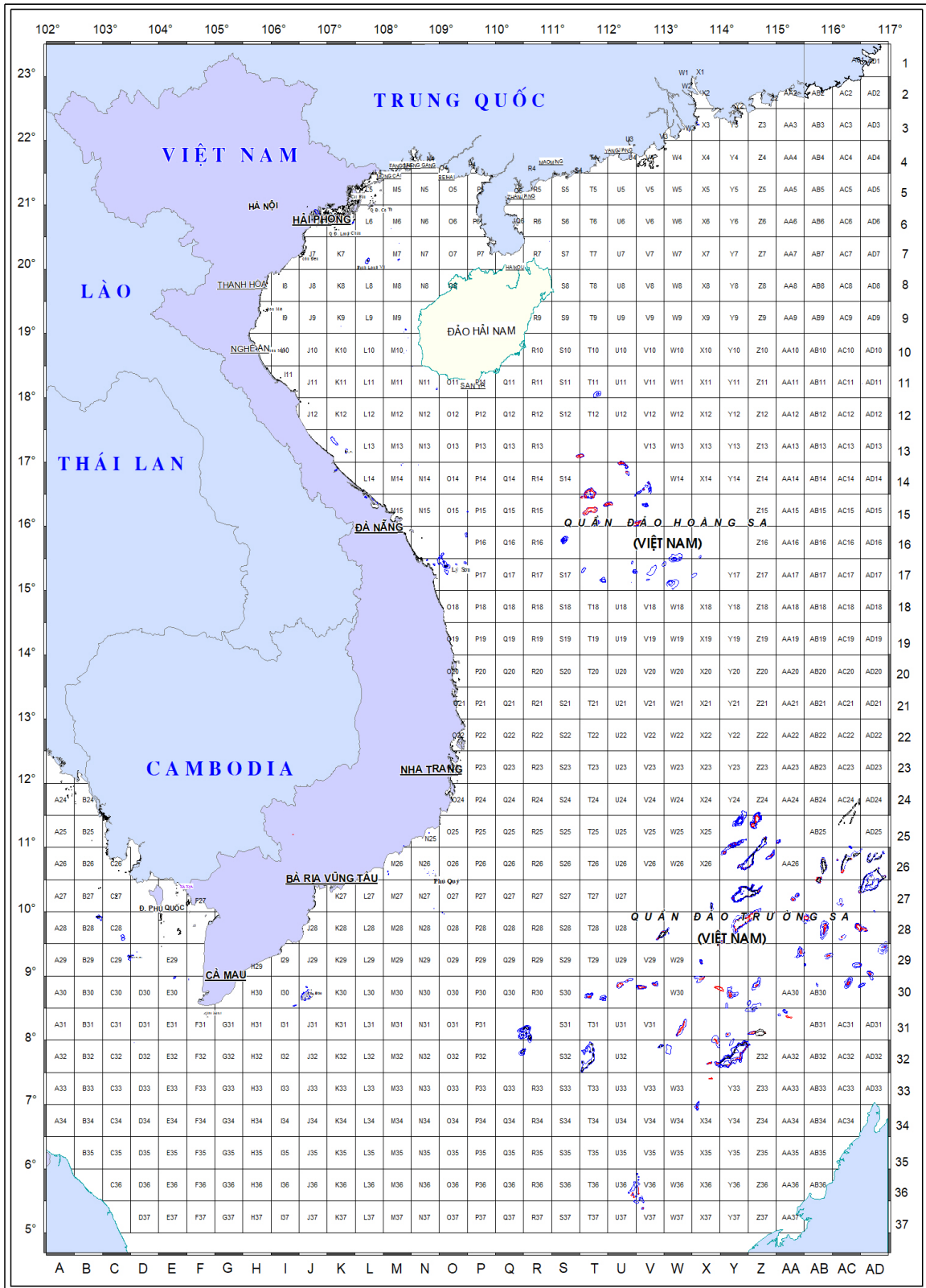
Người nhập số liệu:

Ngày nhập số liệu:

HƯỚNG DẪN GHI BIỂU PHỎNG VẤN KHAI THÁC THỦY SẢN

- (1) Nghề khai thác chính: Ghi nghề khai thác sử dụng chính trong chuyến khai thác hiện tại.
- (2) Tên chủ tàu/thuyền trưởng: Ghi họ và tên đầy đủ của chủ sở hữu phương tiện theo đăng ký hoặc tên thuyền trưởng của chuyến khai thác.
- (3) Số đăng ký tàu: Ghi số đăng ký của tàu khai thác.
- (4) Số thuyền viên trên tàu (người): Ghi tổng số thuyền viên trên tàu khai thác của chuyến khai thác đó (bao gồm cả thuyền trưởng, máy trưởng,...)
- (5) Công suất máy (kW)/chiều dài (m): Ghi công suất máy chính/Lmax của tàu khai thác.
- (6) Nơi xuất bến: Ghi tên cảng/bến cá hoặc địa danh nơi tàu xuất bến bắt đầu chuyến khai thác.
- (7) Ngày xuất bến: Ghi ngày, tháng, năm tàu xuất bến bắt đầu chuyến khai thác.
- (8) Nơi cập bến: Ghi tên cảng/bến cá /điểm lên cá hoặc địa danh nơi tàu cập bến lên cá.
- (9) Ngày cập bến: Ghi ngày, tháng, năm tàu cập bến kết thúc chuyến khai thác
- (10) Ngư trường: Ghi tên ô biển khai thác theo phân ô ngư trường kèm theo. Nếu ngư trường nằm ở 2 ô trở lên thì ghi cụ thể tên từng ô.
- (11) Số ngày đánh cá trong chuyến: Ghi số ngày thực tế khai thác của tàu trong chuyến khai thác (không tính ngày hành trình, neo nghỉ, trú gió, sửa chữa,v.v...)
- (12) Số ngày đánh cá tháng trước: Ghi tổng số ngày khai thác của tháng trước đó.
- (13) Tổng số mẻ lưới: Ghi tổng số mẻ lưới/mẻ câu của chuyến khai thác.
- (14) Sản lượng chuyển tải: Ghi sản lượng của tàu chuyển tải cho tàu khác nếu có chuyển tải trong chuyến khai thác.
- (15) Tổng sản lượng: Ghi tổng sản lượng của chuyến khai thác bao gồm cả sản lượng chuyển tải.
- (16) Nhiên liệu: Ghi tổng chi phí về dầu, nhớt... của chuyến biển.
- (17) Lương thực cho thủy thủ đoàn: Ghi tổng chi phí mua lương thực, thực phẩm cho chuyến biển.
- (18) Đá/muối: Ghi tổng chi phí mua đá/muối cho chuyến biển.
- (19) Lương thuyền viên: Ghi tổng tiền lương thuyền viên hoặc tỷ lệ ăn chia
- (20) Chi phí khác: Ghi tổng chi phí khác phát sinh của chuyến biển.
- (21) Thông số cơ bản về ngư cụ: Ghi các thông số cơ bản của nghề khai thác thực tế của tàu.
- (22) Loại/Nhóm thương phẩm: Ghi tên loài hoặc nhóm sản phẩm khai thác đã được phân chia theo nhóm (có cùng giá bán) của cả chuyến khai thác và sản lượng, giá bán tương ứng của từng nhóm sản phẩm đó.

PHÂN Ô NGŨ TRƯỜNG KHAI THÁC



Phiếu số:.....

MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA SINH HỌC NGHỀ CÁ

.....Ngày.....tháng.....năm 20.....

Tỉnh..... Điểm lên cá.....
 Số đăng ký tàu..... Khối lượng nhóm thương phẩm (kg):.....
 Nhóm thương phẩm..... Khối lượng của loài trong nhóm thương phẩm (kg):
 Tên loài:
 Tên Việt Nam: Khối lượng mẫu (kg):

STT	SL (cm)	FL (cm)	TL (cm)	W (g)	Wsd (g)	Giới	Độ chín tuyến sinh dục	Ghi chú
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
8								
9								
10								
11								
12								
13								
14								
15								
16								

NGƯỜI THU MẪU

Người phân tích:..... Người nhập số liệu:

Ngày nhập số liệu:

Ghi chú:

- SL, FL, TL: là chiều dài cá thể tương ứng đo từ mép ngoài mõm cá đến cuối đốt sống cuối cùng, đến mép ngoài chẻ vây đuôi, đến điểm cuối của vây đuôi; W là khối lượng cá thể;

- Wsd là khối lượng tuyến sinh dục.